

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 11/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành giáo dục

Căn cứ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long,

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trong ngành giáo dục, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Củng cố, duy trì kết quả đạt được của việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
- Tiếp tục duy trì bền vững và nâng cao chất lượng về việc tổ chức công nhận danh hiệu các mô hình học tập và “Cộng đồng học tập” cấp xã, phường.
- Tăng cường phối hợp với các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng và sự tham gia của toàn xã hội về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phải đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp, linh hoạt, sáng tạo với điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng.
- Cần phải có sự phối hợp tích cực, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức thực hiện Đề án đạt và hoàn thành các mục tiêu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập bảo đảm đến cuối năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu năm 2026

- Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

+ Số người trong độ tuổi từ 15 - 25: biết chữ mức độ 1, chiếm tỷ lệ 100%, biết chữ mức độ 2, chiếm tỷ lệ 99,95%;

+ Số người trong độ tuổi từ 15 - 35: biết chữ mức độ 1, chiếm tỷ lệ 99,64%, biết chữ mức độ 2, chiếm tỷ lệ 99,22%;

+ Số người trong độ tuổi từ 15 - 60: biết chữ mức độ 1, chiếm tỷ lệ 98,73%, biết chữ mức độ 2, chiếm tỷ lệ 95,70%. Duy trì tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ Duy trì 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Phấn đấu 18% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

+ Duy trì 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ Duy trì 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân

+ 66,3% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin.

+ 62,10% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.

+ Khoảng 60% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong đó 11% dân số có trình độ đại học trở lên.

- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác

+ 60% các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

+ 70% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

Khuyến khích các trường đại học trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh triển khai đại học số, phát triển học liệu số phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

- Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội

+ 42,60% công dân đạt danh hiệu công dân học tập.

+ Phấn đấu tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo các tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

+ Số người trong độ tuổi từ 15 - 25: biết chữ mức độ 1, chiếm tỷ lệ 100%, biết chữ mức độ 2 chiếm tỷ lệ 99,99%;

+ Số người trong độ tuổi từ 15 - 35: biết chữ mức độ 1, chiếm tỷ lệ 99,68%, biết chữ mức độ 2 chiếm tỷ lệ 99,26%;

+ Số người trong độ tuổi từ 15 - 60: biết chữ mức độ 1, chiếm tỷ lệ 99,93%, biết chữ mức độ 2 chiếm tỷ lệ 95,90%. Duy trì tình đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ Duy trì 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Phân đầu 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

+ Duy trì 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ Duy trì 100% các xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân

+ 70% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin.

+ 70% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.

+ Khoảng 64% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong đó 15% dân số có trình độ đại học trở lên.

- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

+ 80% các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

+ 90% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

Phân đầu trường đại học trên địa bàn tỉnh triển khai đại học số và xây dựng học liệu số.

- Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội

+ 60% công dân đạt danh hiệu công dân học tập.

+ Phân đầu tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo các tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

(Đính kèm phụ lục 1)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng xã hội học tập

a) Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về xây dựng xã hội học tập vào Nghị quyết, Chương trình hành động và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cơ sở giáo dục và các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Gắn kết quả thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập với trách nhiệm của người đứng đầu và coi đây là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá, thi đua, khen thưởng hằng năm tại đơn vị.

b) Đổi mới mạnh mẽ công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò của học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, Quyết định số 489/QĐ-TTg, ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, Quyết định số 1373/QĐ-TTg, ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

c) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách thực hiện xây dựng xã hội học tập như:

Nghị quyết quy định nội dung và mức chi phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Đề án hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động ở khu vực nông thôn, thanh niên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030.

Triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ các cơ chế, chính sách của nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, người lao động được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

d) Các xã, phường tiếp tục kiện toàn kịp thời Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập các cấp khi có sự thay đổi. Ngành Giáo dục chịu trách nhiệm trực tiếp, tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền và kết hợp với các ngành, đoàn thể trên địa bàn đề ra các giải pháp, chính sách thực hiện.

2. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời

a) Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh; khuyến khích xây dựng kho học liệu dùng chung, triển khai mô hình trường học số, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: đa dạng nội dung giáo

dục, đào tạo, đổi mới mạnh mẽ các phương thức giảng dạy và học tập kết hợp với việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở để mở rộng tiếp cận và nâng cao chất lượng học tập cho mọi người dân.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp: đổi mới các phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt gắn với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm, vừa học; đào tạo từ xa, đặc biệt là lao động nông thôn, thanh niên xuất ngũ, người khuyết tật, lao động nữ, người cao tuổi dễ dàng tiếp cận, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề. Thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho công nhân, người lao động.

Cơ sở giáo dục đại học: tiếp tục đẩy mạnh phát triển đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đặc biệt là đào tạo từ xa, đào tạo vừa học, vừa làm trong đó tập trung phát triển áp dụng các công nghệ số trong đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo từ xa, chú trọng công tác kiểm định chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng. Tăng cường xây dựng, khai thác, tích hợp, chia sẻ nguồn tài nguyên giáo dục mở, học liệu mở với các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; tham gia Đề án Hệ tri thức Việt số hóa, Việt hóa các nguồn tài nguyên giáo dục mở quốc tế.

Các thiết chế văn hóa: Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh trong phát triển học liệu số, tài nguyên giáo dục mở; Phối hợp với cơ quan, đơn vị phụ trách lĩnh vực văn hóa trong đổi mới phương thức hoạt động của thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ phục vụ học tập suốt đời.

b) Tổ chức các chương trình giáo dục trên Báo và Phát thanh, truyền hình; các trang mạng báo điện tử; đăng tải trên nền tảng công nghệ số của các mạng xã hội có nhiều người dùng tại Việt Nam.

c) Xây dựng kho học liệu mở phục vụ việc tự học và học tập suốt đời trên các kênh truyền hình giáo dục theo Đề án được duyệt.

3. Phát triển các mô hình học tập, nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên và phổ cập giáo dục

a) Sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên

- Đối với trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề cho học sinh phổ thông gắn với thực tiễn của địa phương, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo; cung cấp, trau dồi các kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số cho học viên.

+ Tích cực tổ chức giảng dạy các Chương trình bồi dưỡng ngắn hạn giúp cho người dân cập nhật kiến thức, kỹ năng, nâng cao trình độ hiểu biết về các lĩnh vực trong đời sống xã hội, mở các lớp giáo dục về kỹ năng sống cho thanh, thiếu niên và những người có nhu cầu học tập.

+ Phối hợp với trường trung cấp, trường cao đẳng, cùng các đơn vị có liên quan để tổ chức giảng dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông kết hợp với liên kết đào tạo nghề cho học viên, tổ chức học tập nâng cao trình độ văn hóa cho người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để triển khai nội dung liên quan đến chương trình trung học nghề khi có văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với các trung tâm học tập cộng đồng: Tiếp tục củng cố mô hình trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường theo đúng quy định. Tăng cường công tác phối hợp, liên kết với các ngành, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa thể thao để tổ chức các lớp cập nhật kiến thức kỹ năng, chuyển giao công nghệ, xóa mù chữ gắn với dạy nghề truyền thống, dạy nghề ngắn hạn và phát triển cộng đồng, đảm bảo thiết thực, hiệu quả gắn với phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

- Đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học; trung tâm giáo dục kỹ năng sống và trung tâm hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: tiếp tục mở rộng quy mô, mạng lưới các trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống và trung tâm hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi tầng lớp Nhân dân.

c) Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đã đạt được trong năm 2025 và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong năm 2026; triển khai công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026 đảm bảo kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương.

d) Củng cố, kiện toàn tổ chức Hội khuyến học tại các xã, phường; tiếp tục tổ chức các phong trào, cuộc vận động để thúc đẩy học tập suốt đời

- Tiếp tục củng cố, xây dựng Hội Khuyến học cấp xã, phường vững mạnh, làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

- Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong toàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác nhằm thúc đẩy việc học tập trong mọi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư.

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng các mô hình học tập theo hướng thiết thực, hiệu quả, nhằm từng bước hình thành môi trường học tập cho toàn xã hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng của việc thực hiện đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã, phường, cấp tỉnh; “Đơn vị học tập” cấp tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các trường phổ thông với trung tâm học tập cộng đồng trong việc chia sẻ nguồn lực thư viện số và hướng dẫn kỹ năng số cho

người dân địa phương.

- Đẩy mạnh hoạt động phát triển nghề nghiệp cho người lao động; đa dạng hóa hình thức, tăng cường ứng dụng nền tảng số và mạng xã hội để tuyên truyền, vận động, động viên, khuyến khích công nhân, người lao động trong doanh nghiệp tham gia học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

đ) Tổ chức hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời, Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam hằng năm.

e) Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

4. Tăng cường công tác xã hội hóa hỗ trợ học tập suốt đời

a) Tăng cường huy động có hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng và các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đúng các quy định của pháp luật.

b) Huy động sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp để triển khai hiệu quả các phong trào, hoạt động thúc đẩy tự học, học thường xuyên, tham gia học tập trên môi trường công nghệ cho công nhân, người lao động; hỗ trợ người lao động có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa

a) Thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

b) Đẩy mạnh vận động, khuyến khích đội ngũ trí thức tài năng; người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp vào hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập tại địa phương.

c) Tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về công nghệ đào tạo mở và học từ xa trên nền tảng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(Đính kèm phụ lục 2)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các sở, ngành, tổ chức, đơn vị và các địa phương xây dựng Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong Kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của sở, ngành, tổ chức, đơn vị và địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Chủ trì tham mưu, giúp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc, các xã, phường, tổ chức, đoàn thể liên quan điều phối và hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch.

- Phát động và hướng dẫn tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm hoặc theo giai đoạn và đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu theo quy định.

- Tham mưu kịp thời với Sở Giáo dục và Đào tạo cụ thể hóa văn bản của cấp trên về xây dựng xã hội học tập.

- Tham mưu cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức rà soát, củng cố và phát triển các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh đảm bảo hoạt động có hiệu quả, bền vững.

1.2. Văn phòng Sở

- Phối hợp triển khai các nội dung nhiệm vụ có liên quan đến triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời, các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện Đề án theo định kỳ.

1.3. Phòng Quản lý chất lượng, Khoa học công nghệ và Thông tin

Chủ trì hướng dẫn đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời.

1.4. Phòng Tổ chức - Cán bộ

Chủ trì hướng dẫn các xã, phường xây dựng nhân sự kiện toàn trung tâm học tập cộng đồng đúng quy định.

1.5. Phòng Giáo dục Mầm non

Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch phổ cập mầm non trẻ em 3 đến 5 tuổi (theo Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 14/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long); phối hợp với phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi hàng năm.

1.6. Phòng Giáo dục phổ thông

Phối hợp với phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở hàng năm.

2. Các cơ sở giáo dục

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng phong trào thanh niên tình nguyện, thanh niên tài năng, vận động gây quỹ hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh

khó khăn trong học tập.

- Chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của đơn vị chủ trì, phối hợp lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập thông qua các phong trào hành động cách mạng thanh niên, các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sáng tạo trong thanh niên.

- Báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” hằng năm và giai đoạn của đơn vị.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 13 mục V Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) để theo dõi, tổng hợp báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 trong ngành giáo dục. Đề nghị các phòng chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh nghiêm túc, tích cực triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- UBND các xã, phường;
- UBMTTQVN các xã, phường;
- Phòng VH-XH các xã, phường;
- Các Hội, Đoàn thể các xã, phường;
- Các Phòng CM, NV thuộc Sở GDĐT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT;
- Trường CĐ, ĐH trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, GDNNGDTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Tuấn

Phụ lục 1
MỤC TIÊU CỤ THỂ TỪNG NĂM TRONG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày / /2026 của Sở
GDĐT tỉnh Vĩnh Long)

TT	Nội dung	Đơn vị (%)	Giai đoạn 2026-2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục						
1.1	Công tác xóa mù chữ						
	- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 25: biết chữ mức độ 1	%	100	100	100	100	100
	- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 25: biết chữ mức độ 2	%	99,95	99,96	99,97	99,98	99,99
	- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 35: biết chữ mức độ 1	%	99,64	99,65	99,66	99,67	99,68
	- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 35: biết chữ mức độ 2	%	99,22	99,23	99,24	99,25	99,26
	- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 60: biết chữ mức độ 1	%	98,73	98,78	99,83	99,88	99,93
	- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 60: biết chữ mức độ 2	%	95,70	95,75	95,80	95,85	95,90
	- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn XMC mức độ 1	%	100	100	100	100	100
	- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn XMC mức độ 2	%	100	100	100	100	100
	1.2	Công tác phổ cập giáo dục					
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi		%	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1		%	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2		%	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3		%	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1		%	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2		%	100	100	100	100	100
- Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3		%	100	100	100	100	100
- Phân đầu tỉnh đạt chuẩn tỷ lệ PCGD mầm non trẻ từ 3 đến 5 tuổi.		%	18,00	37,00	63,00	89,00	100
2		Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân					
2.1	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin.	%	66,30	67,10	68,05	69,03	70,00

2.2	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.	%	62,10	64,00	66,80	68,03	70,00
2.3	Tỷ lệ từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật.	%	60,00	61,00	62,00	63,00	64,00
	Trong đó, tỷ lệ dân số có trình độ đại học trở lên.	%	11,00	12,00	13,00	14,00	15,00
3	Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở GDNN						
3.1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDNN, GDTX và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.	%	60,00	60,50	70,00	75,00	80,00
3.2	Tỷ lệ trung tâm HTCĐ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.	%	70,00	70,50	80,00	85,00	90,00
3.3	Phân đầu trường đại học triển khai xây dựng học liệu số.	Đạt					Đạt
4	Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội						
4.1	Tỷ lệ công dân đạt danh hiệu công dân học tập.	%	42,60	48,90	52,00	56,50	60,00
4.2	Phân đầu tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo các tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Đạt					Đạt

Phụ lục 2
NỘI DUNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
ĐƯỢC PHÂN CÔNG THEO KẾ HOẠCH SỐ 84/KH-UBND, NGÀY
11/3/2026 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDĐT ngày / /2026
của Sở GDDT tỉnh Vĩnh Long)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả	Thời gian
1	Triển khai, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng XHHT				
1.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030 tại cơ quan, đơn vị.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các xã/phường.	Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị liên quan.	Kế hoạch	Ban hành Kế hoạch: Quý I/2026. Thực hiện: Thường xuyên
1.2	Xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyên truyền thực hiện “Đề án xây dựng xã hội học tập” giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các xã/phường.	Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long, Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị liên quan.	Văn bản, tài liệu, tin bài, phóng sự	Ban hành Kế hoạch: Quý I/2026. Thực hiện: Thường xuyên
1.3	Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách thực hiện xây dựng XHHT: - Nghị quyết quy định nội dung và mức chi phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào công tác quản lý trung tâm HTCĐ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị liên quan.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	2026
	- Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án xây dựng XHHT giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị liên quan.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	2026
	- Đề án hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động ở khu vực nông thôn, thanh niên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã/phường và các đơn vị có liên quan	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	2026
1.4	Kiện toàn kịp thời Ban Chỉ đạo PCGD, XMC và xây dựng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; Ủy ban	Văn bản	Khi có sự thay đổi

	XHHT	tạo, Ủy ban nhân dân các xã/phường	nhân dân các xã/phường và đơn vị liên quan.		
2	Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động HTSD				
2.1	Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị có liên quan.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Hàng năm
	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch nhân rộng các mô hình HTSD trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị có liên quan.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	2026-2030; thường xuyên, hàng năm
2.2	Tổ chức các chương trình giáo dục trên kênh phát thanh, truyền hình, các trang mạng báo điện tử, các ứng dụng truyền hình của các đài phát thanh, truyền hình; đăng tải trên nền tảng công nghệ số của các mạng xã hội có nhiều người dùng tại Việt Nam.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành, Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long.	Văn bản, tài liệu, học liệu, tin bài, phóng sự	Hàng năm
2.3	Xây dựng kho học liệu mở phục vụ việc tự học và HTSD trên Internet và các kênh truyền hình.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành, Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long, các trường Cao đẳng, Đại học.	Tài liệu, học liệu	Hàng năm
3	Phát triển các mô hình học tập, nâng cao chất lượng GDTX và PCGD				
3.1	Sắp xếp lại mạng lưới các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.	Đề án	Quý II/2026
3.2	Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục trong các cơ sở GDTX:				
	- Đối với trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX; các trung tâm ngoại ngữ, tin học.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
	- Đối với các trung tâm HTCD.	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã/	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm

		phường.			
	- Đối với trung tâm giáo dục kỹ năng sống và trung tâm hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
3.3	Tham mưu xây dựng và thực hiện Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/ phường và đơn vị liên quan	Kế hoạch	Ban hành Kế hoạch: Quý I/2026. Thực hiện: Thường xuyên
	Củng cố, kiện toàn tổ chức Hội khuyến học; tiếp tục tổ chức các phong trào, cuộc vận động để thúc đẩy HTSD				
	- Củng cố mô hình Hội Khuyến học cấp xã.	Hội Khuyến học tỉnh phường, Ủy ban nhân dân các xã/phường.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/phường.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
	- Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Hội Khuyến học tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã/ phường.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
3.4	- Nâng cao chất lượng của việc thực hiện đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã, cấp tỉnh; “Đơn vị học tập” cấp tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Hội Khuyến học tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã/phường và đơn vị liên quan.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
	- Đẩy mạnh hoạt động phát triển nghề nghiệp cho người lao động; tuyên truyền, vận động, động viên, khuyến khích công nhân, người lao động trong doanh nghiệp học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Liên đoàn Lao động tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã/ phường.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
3.5	Tổ chức hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng HTSD, Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/ phường và	Văn bản, tài liệu, tin bài, phóng sự	Ban hành Kế hoạch: Hàng năm sau khi có

			đơn vị liên quan.		hướng dẫn Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3.6	Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành; Hội khuyến học tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã/ phường và đơn vị liên quan.	Văn bản	Thực hiện: Thường xuyên
4	Tăng cường công tác xã hội hóa hỗ trợ HTSD				
4.1	Huy động có hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng và các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động của trung tâm HTCD	Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã/ phường	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/ phường.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
4.2	Có chính sách hỗ trợ công nhân, người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và hỗ trợ con công nhân, người lao động hiếu học có hoàn cảnh khó khăn, nghèo.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên đoàn Lao động tỉnh; Hội Khuyến học.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã/ phường.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Thường xuyên, hàng năm
5	Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực HTSD, xây dựng XHHT và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa				
5.1	Thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, HTSD và xây dựng XHHT.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Hàng năm
5.2	Đẩy mạnh vận động, khuyến khích đội ngũ trí thức tài năng; người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng XHHT.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các sở, ban, ngành, Hội Khuyến học tỉnh.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Hàng năm
5.3	Tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về công nghệ đào tạo mở và từ xa trên nền tảng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành.	Văn bản chỉ đạo, điều hành; báo cáo	Hàng năm